TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** _____

Bản án số: 08/2022/DS - ST.
Ngày: 24/6/2022.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Ánh Ngọc;
2. Ông Lù Văn Lả.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B tỉnh Điện Biên.

Ngày 24/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/TLST - DS ngày 09/11/2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX–ST ngày 09/5/2022; theo quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS ngày 27/5/2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lường Thị T, sinh năm 1971. "Có mặt"

Địa chỉ: Bản N B, Phường N B, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: - Anh Lường Văn V, sinh năm 1987; "Vắng mặt"
- Chị Quàng Thị H, sinh năm 1989."Vắng mặt".

Đều có địa chỉ: Huổi H H, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

3. Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hùng ."Vắng mặt".

Địa chỉ: SN 278, tổ 18, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B nguyên đơn là bà Lường Thị T trình bày:

Do tôi và vợ chồng Lường Văn V, Quàng Thị H là chỗ người nhà (Vui là em ruột và Hạnh là em dâu của tôi), nên hai vợ chồng Vui, Hạnh đã đến nhà tôi và nói với tôi là mẹ của Hạnh đang ốm nặng cần tiền để đi chữa bệnh ngay và nhờ tôi vay hộ số tiền là 150 triệu đồng. Tôi nói là tôi không có tiền thì vợ chồng Vui, Hạnh bảo tôi lấy sổ đỏ nhà tôi đi cắm để lấy tiền chỉ trong một tháng vợ chồng Vui, Hạnh sẽ trả nợ và

lấy sổ đỏ về cho tôi. Do tin tưởng lời nói của vợ chồng Vui, Hạnh là thật nên tôi đã đồng ý, sau đó vợ chồng Vui, Hạnh đưa tôi đến nhà ông Lê Hùng ở số nhà 278, tổ 18, phường Tân Thanh, Thành Phố Đ B P để vay tiền ông Lê Hùng với số tiền là 150 triệu đồng, có thế chấp bằng sổ đỏ nhà tôi và tôi ký vào giấy vay nợ với ông Lê Hùng, còn số tiền vay chỗ ông Lê Hùng là Hạnh cầm đi hết, tôi không được cầm đồng nào cả. Trước khi vay tiền ông Lê Hùng thì vợ chồng Vui, Hạnh có nói với tôi là tôi chỉ đứng tên vay tiền hộ thôi còn gốc và tiền lãi thì vợ chồng Vui, Hạnh sẽ tự trả đầy đủ cho ông Lê Hùng rồi sẽ lấy sổ đỏ về cho tôi và bảo tôi là cứ yên tâm không phải lo. Sau đó vợ chồng Vui, Hạnh viết giấy vay tiền với tôi số tiền là 150 triệu đồng hẹn một tháng sau sẽ trả tiền cho tôi, nhưng thực tế tôi không có tiền cho Vui, Hạnh vay mà số tiền 150 triệu đồng là tiền của ông Lê Hùng cho vợ chồng Vui, Hạnh vay còn tôi chỉ là người ký hộ vì thế chấp bằng sổ đỏ của tôi. Sau khi vay được số tiền trên tôi không biết vợ chồng Vui, Hạnh mang số tiền đó đi làm gì thì tôi cũng không biết. Sau đó Hạnh có trả tiền lãi cho ông Lê Hùng được hai lần là 07 triệu đồng và 08 triệu đồng, còn về sau này thì tôi không biết vợ chồng Vui, Hạnh có đến trả tiền cho ông Lê Hùng hay không thì tôi không biết. Sau này ông Lê Hùng đã gọi điện cho tôi rất nhiều lần nhưng tôi không có tiền, tôi gọi điện cho vợ chồng Vui, Hạnh thì không nghe máy. Thấy ông Lê Hùng gọi điện đòi tiền nhiều quá tôi đã mang xe máy đi cắm được 4,5 triệu đồng đi trả cho ông Lê Hùng. Đến ngày 31/10/2021 ông Lê Hùng gọi tôi sang nhà và bảo tôi là số tiền nợ 150 triệu đồng và tiền lãi tính đến nay đã là 250 triệu đồng nếu tôi không có tiền trả thì ông Lê Hùng sẽ lấy nhà và đất của tôi, nếu không thì phải ký vào giấy vay nợ là 250 triệu đồng. Do không hiểu biết pháp luật và vì sợ mất nhà nên tôi đã ký vào giấy vay nợ với số tiền là 250 triệu đồng, nhưng thực tế tôi không được vay ông Lê Hùng số tiền 250 triệu đồng mà tôi chỉ được ký vào giấy thôi tôi không được nhận tiền của ông Lê Hùng.

Khi tôi đi cùng với vợ chồng Vui, Hạnh đến nhà ông Lê Hùng vay tiền thì các con của tôi không ai biết nên không có ý kiến gì và cho đến bây giờ các con của tôi biết việc này nên đã chửi mắng tôi, gia đình tôi đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, mất đoàn kết và các con tôi bảo tôi là bị điên, bị tâm thần nên mới làm như thế. Tôi rất khổ tâm

và không biết làm thế nào nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án huyện Đ B giải quyết giúp tôi: Buộc vợ chồng Vui, Hạnh phải trả cho tôi số tiền 154,5 triệu đồng (trong đó 150 triệu là tiền gốc và 4,5 triệu đồng là tiền tôi đi trả hộ phần lãi cho ông Lê Hùng) để tôi mang đi trả ông Lê Hùng để lấy sổ đỏ của tôi về hoặc là chuyển toàn bộ số nợ trên cho vợ chồng Vui, Hạnh trực tiếp trả cho ông Lê Hùng rồi lấy sổ đỏ về trả cho tôi.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu, chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện và cũng không có ý kiến gì. Do vậy, Tòa án đã không tiến hành hòa giải được.

Ngày 27/5/2022 Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay hai bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Lường Thị T bị đơn là anh Vui, chị Hạnh đều có địa chỉ tại Huổi H H, xã T X, huyện Đ B nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

[3]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

[**3.1]. Nguyên đơn**: Bà Lường Thị T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Bản N B, Phường N B, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

[**3.2]. Bị đơn**: - Anh Lường Văn V, sinh năm 1987;

- Chị Quàng Thị H, sinh năm 1989.

Đều có địa chỉ: Huổi H H, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

[**3.3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Lê Hùng.

Địa chỉ: SN 278, tổ 18, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

[4]. Về điều luật áp dụng: Bà Tinh và vợ chồng Vui, Hạnh viết giấy vay nợ từ ngày 08/02/2021 đến ngày 03/11/2021 bà Tinh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, ngày 09/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Đ B thụ lý vụ án. Vì vậy, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xem xét, giải quyết việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự.

[5]. Xét yêu cầu của bà Tinh:

Bà Tinh yêu cầu đòi 154,5 triệu đồng (trong đó 150 triệu là tiền gốc và 4,5 triệu đồng là tiền trả hộ phần lãi cho ông Lê Hùng) của nguyên đơn thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bên bị đơn không có ý kiến gì và không cung cấp được chứng cứ gì để phản bác yêu cầu của nguyên đơn.

Còn nguyên đơn thì cung cấp được giấy vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn. Căn cứ Khoản 2 Điều 94, Khoản 4 Điều 95/BLTTDS, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 150.000.000đ và có thỏa thuận thời gian vay (có giấy vay tiền, có đầy đủ chữ ký của bên vay và bên cho vay). Còn số tiền 4.500.000đ là tiền của bà Tinh trả tiền lãi hộ bị đơn, tại phiên tòa bà Tinh không yêu cầu bị đơn phải trả lại khoản tiền này nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy: Việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 150.000.00đ là có thật, do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 150.000.000đ bị đơn nợ là có căn cứ. Căn cứ các Điều 463; Điều 466/BLDS.

Đối với yêu cầu của bà Tinh là chuyển toàn bộ số nợ trên cho vợ chồng Vui, Hạnh trực tiếp trả cho ông Lê Hùng rồi lấy sổ đỏ về trả cho bà Tinh. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Tinh không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí DSST:

[6.1] .Về án phí: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6.2]. Anh Vui, chị Hạnh phải chịu án phí DSST có giá ngạch là:

150.000.000đ x 5% = 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

[6.3]. Bà Tinh không phải chịu án phí DSST có giá ngạch, bà Tinh được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là: 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Theo biên lai số: 0004834 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ B.

Đối với các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt

động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ các đương sự vắng mặt tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện việc không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng các đương sự vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235; Điều 264 và Điều 267/BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466/BLDS.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

1.1 - Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lường Thị T, buộc anh Lường Văn V và chị Quàng Thị H phải trả nợ cho bà Lường Thị T số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng);

- Kể từ ngày bà Tinh có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lường Văn V và chị Quàng Thị H không tự nguyện thi hành đối với khoản phải thanh toán cho bà Tinh thì anh Vui, chị Hạnh phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1.2. Về án phí:

- Anh Lường Văn V và chị Quàng Thị H phải chịu án phí DSST có giá ngạch là: 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Tinh không phải chịu án phí DSST có giá ngạch, bà Tinh được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là: 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Theo biên lai số: 0004834 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ B.

1.3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đ- ơng sự;
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lù Văn Lả Lường Văn Lương Lò Thị Ánh Ngọc

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đ- ơng sự;
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Lò Thị Vinh	Lường Văn Lương	Lò Thị Ánh Ngọc